

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN HỆ NHẬT BẢN – TRUNG QUỐC HIỆN NAY

SOME FACTORS AFFECTING THE RELATIONSHIP BETWEEN JAPAN AND CHINA TODAY

Nguyễn Thế Hồng

Trường Đại học Đồng Tháp; Email: reaganusa1986@gmail.com

Tóm tắt - Nhật và Trung Quốc là hai quốc gia lớn ở Đông Á, có mối quan hệ lịch sử lâu đời nhưng đầy thăng trầm và phức tạp. Mối quan hệ này có tầm ảnh hưởng đến môi trường chiến lược tại khu vực, tác động đến sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia liên quan ở Đông Bắc Á, Đông Nam Á - những khu vực mà hai nước đang ra sức tăng cường ảnh hưởng. Năm 1972, hai nước bình thường hoá quan hệ, từ đó đến nay đạt được nhiều thành tựu ở các lĩnh vực nhưng tồn tại nhiều thách thức do nhiều yếu tố tác động như vị thế nước lớn, chủ nghĩa dân tộc, các tuyên bố liên quan đến chủ quyền lãnh hải, những mâu thuẫn tồn tại từ trong quá khứ quan hệ hai nước. Dù vậy, hai nước vẫn cần đến nhau, trong những năm tới quan hệ Nhật - Trung Quốc vận động theo xu thế vừa hợp tác, vừa kiềm chế, cạnh tranh để phát triển.

Từ khóa - Nhật; Trung Quốc; quan hệ; ảnh hưởng; khu vực

Abstract - Japan and China, the two largest countries in East Asia, have a relationship full of ups and downs and complexity. This relationship can influence the strategic environment in the region, affecting the adjustment of the foreign policy of many countries in Northeast Asia and Southeast Asia - where the two countries want to strengthen their influences. In 1972, the two countries normalized relations. So far they have made achievements in various fields but many challenges still exist due to many factors such as large domestic ideology, nationalism, claims related to territorial sovereignty and conflicts existing between the two countries in the past. However, the two countries still need each other and in years to come Japan - China relationships tend to cooperate and restrain competition for development.

Key words - Japan; China; relationship; influence; area

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, Trung Quốc là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao của thế giới, Nhật cũng là một cường quốc trên lĩnh vực này. Từ sau Chiến tranh lạnh đến nay quan hệ hai nước đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, mối quan hệ này vẫn hàm chứa nhiều khúc mắc, trở ngại chi phối đến hai nước, nhất là trong bối cảnh Trung Quốc và Nhật đang gia tăng sức ảnh hưởng nhằm khẳng định vị thế nước lớn trước hết là ở khu vực Đông Á. Chính sách đối ngoại của hai nước dành cho nhau không chỉ tác động đến bản thân chủ thể quan hệ mà còn ảnh hưởng nhất định đến môi trường chiến lược khu vực. Bài viết đề cập đến một số yếu tố tác động và ảnh hưởng đến quan hệ Nhật - Trung Quốc hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Cạnh tranh khẳng định vị thế nước lớn

Xuất phát từ lợi ích chiến lược của mỗi quốc gia nên sự cạnh tranh giữa hai nước ngày càng trở nên quyết liệt.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, với đường lối đối ngoại hoà bình và tận dụng những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế Nhật được phục hồi và phát triển “thần kì” trong thập niên 1970, 1980. Điều này thúc đẩy Nhật thi hành chính sách đối ngoại tìm kiếm vị thế quốc tế để trở thành quốc gia “bình thường” về chính trị, quân sự. Sang thập niên 1990, kinh tế Nhật rơi vào trạng thái trì trệ nên mục tiêu trên chưa thành hiện thực. Bước sang thế kỉ XXI, Nhật tiến hành nhiều biện pháp nhằm chấn hưng nền kinh tế để phục vụ cho mục tiêu chính trị đang theo đuổi. Kết quả, Nhật ngày càng có vai trò quan trọng trong việc xây dựng trật tự kinh tế quốc tế mới ở khu vực và quốc tế: Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tổ chức G7+1, ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)... đồng Yên trở thành một trong những đồng tiền dùng trong giao dịch và phổ biến đối với các nhà kinh doanh ngoại hối toàn cầu. Thông qua chính sách viện trợ phát triển chính thức (ODA) như là một biện pháp để

Nhật tăng cường sức ảnh hưởng và nâng cao vị thế trên trường quốc tế, nhiều năm liên tục Nhật là nước cung cấp ODA lớn nhất thế giới. Là quốc gia đóng góp tài chính nhiều nhất sau Mỹ cho sự hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc nên Nhật luôn muốn trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an khi tổ chức này được đề xuất cải tổ. Nhật còn tham gia vào quân đội đa quốc gia của Liên hợp quốc nhưng việc đóng góp quân đội của nước này gặp phải trở ngại do những ràng buộc của “Hiến pháp hoà bình” năm 1946 (tại khoản 2 điều 9). Vì thế, Nhật luôn muốn sửa đổi hiến pháp nhằm tăng cường sức mạnh quân sự để độc lập tự chủ trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và đóng góp cho các hoạt động gìn giữ hoà bình quốc tế. Tháng 6/1992 luật “Hợp tác hoà bình quốc tế” đã được Nghị viện Nhật thông qua, đặt cơ sở cho nước này tham gia vào các vấn đề quốc tế như: y tế, hậu cần, tái thiết xây dựng lại các cơ sở hạ tầng vùng chiến tranh, giám sát bầu cử... Năm 2004, Nhật đã gửi quân sang I-rắc theo yêu cầu của Mỹ với tư cách là quân đội gìn giữ hoà bình, đánh dấu mốc quan trọng, lần đầu tiên kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật triển khai quân đội ra bên ngoài lãnh thổ không nằm dưới sự chỉ đạo của Liên hợp quốc. Nhật đang tiến tới mục tiêu kinh tế phải tương xứng với quân sự, nhằm giúp Nhật khẳng định vị thế khu vực và quốc tế hiện nay. Ở khu vực Châu Á, do những thay đổi môi trường an ninh, chính trị liên tục đầu thế kỉ XXI, Nhật nhận thức châu lục này có thể phát huy vai trò, vị thế của mình. Thông qua chính sách đối ngoại “trở lại Châu Á”, từng bước xây dựng hình ảnh một nước Nhật thân thiện về chính trị, có trách nhiệm đối với khu vực. Nhật là nước đầu tiên đưa ra sáng kiến thành lập khối cộng đồng Đông Á, ủng hộ một cộng đồng Đông Á mở rộng, tăng “10+3” (gồm 10 nước ASEAN và Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc) thành “10+6” (với sự mở rộng thêm ba nước Ấn Độ, Úc và New Zealand). Tất cả những chính sách trên nhằm thể hiện Nhật Bản đang và sẽ không bao giờ là một quốc gia hạng hai.

Trên con đường trở thành quốc gia “bình thường” của

Nhật có nhiều thuận lợi nhưng bên cạnh đó tồn tại nhiều khó khăn, trong đó mối quan hệ “nóng, lạnh” với Trung Quốc là điển hình. Trung Quốc đạt được nhiều thành tựu kinh tế sau các chính sách cải cách từ năm 1978, dù vậy so với Mỹ về tiềm lực kinh tế, quân sự còn hạn chế nên ủng hộ một thế giới đa cực, phản đối các liên minh quân sự giữa Mỹ với nhiều nước tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nhằm phân tán và giảm sức ép từ Mỹ. Trung Quốc luôn coi Hiệp ước an ninh giữa Mỹ với Nhật được sửa đổi những năm gần đây tạo điều kiện cho Nhật tăng cường tiềm lực quân sự là nhằm vào Trung Quốc, góp phần làm cho “hố ngăn cách” Nhật – Trung ngày càng lớn. Qua đó Nhật có điều kiện phục hồi chủ nghĩa quân phiệt gây tình trạng quan ngại an ninh khu vực. Trung Quốc cũng chưa có thái độ rõ ràng, thậm chí phản đối Nhật ứng cử vị trí thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc “Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc không phải là Hội đồng quản trị của công ty, không phải dựa trên phí hội viên (hay vốn góp) nhiều hay ít mà quyết định tổ chức của hội. Một quốc gia nếu hi vọng phát huy tác dụng trách nhiệm trong các vấn đề quốc tế cần phải có nhận thức tinh ngộ đối với vấn đề lịch sử liên quan của nó” [2, tr.231], tức là Nhật cần phải “xử lí” đúng đắn các vấn đề lịch sử. Xuất phát từ tư duy kinh tế toàn cầu, những năm đầu thế kỉ XXI, Trung Quốc thúc đẩy các nước ASEAN thành lập Khu mậu dịch tự do như một biện pháp cạnh tranh với Nhật, khi Nhật đang tăng cường sự ảnh hưởng tại đây bằng việc đầu tư, hợp tác, viện trợ ODA thông qua chính sách ngoại giao trở lại Châu Á “một khi giành được sự tin cậy của các nước láng giềng Châu Á và thiết lập được mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, thì Nhật Bản sẽ cải thiện được môi trường quốc tế xung quanh, xóa bỏ được những yếu tố địa chính trị bất lợi” [7, tr.290]. Trung Quốc nhận thức được điều đó nên ra sức tăng cường hoạt động giành lấy vai trò chủ đạo khu vực từ những năm 1980 bằng các kiến nghị thành lập “vòng kinh tế Đông Á” nhằm tiến tới hình thành “Khối cộng đồng Đông Á”.

Cả Nhật và Trung Quốc muốn phát huy vai trò lãnh đạo Đông Á vì thế tất cả những chính sách và biện pháp kiềm chế lẫn nhau đều được sử dụng.

2.2. Nhân tố Mỹ

Chính sách đối ngoại của Nhật và Trung Quốc dành cho nhau ít nhiều liên quan đến nhân tố Mỹ, chính điều này góp phần hình thành nên tam giác quan hệ Nhật – Mỹ – Trung. Tam giác này dần đóng vai trò chủ đạo trong cục diện Châu Á – Thái Bình Dương hiện nay.

Nhân tố Mỹ luôn ý thức vị trí và vai trò trong tam giác quan hệ này để nhằm vừa thúc đẩy, vừa kiềm chế, cạnh tranh với Nhật lẫn Trung Quốc. Quan hệ đồng minh Mỹ – Nhật được thiết lập từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, trong một thời gian dài Nhật ở vị thế thứ yếu so với Mỹ. Tuy nhiên từ sau Chiến tranh lạnh kết thúc, nhất là những năm gần đây mối quan hệ Mỹ – Nhật đã trở nên cân bằng hơn, khi Nhật có những chuyển biến sâu sắc về chính trị, kinh tế, xã hội, tiến hành thông qua các dự luật để sửa đổi hiến pháp nhằm đưa Nhật trở thành quốc gia “bình thường”, độc lập hơn với Mỹ trong việc hoạch định chính sách đối ngoại và đóng vai trò quan trọng trên các diễn đàn chính trị thế giới.

Từ khi cải cách và mở cửa, Trung Quốc đã duy trì tốc độ phát triển kinh tế cao, năm 2010 đã vượt Nhật vươn

lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sau Mỹ và ngày càng thách thức Mỹ “một khi Trung Quốc ngày càng hùng mạnh và vị thế của Mỹ bị xói mòn, hai điều có thể xảy ra: Trung Quốc sẽ cố gắng dùng sức ảnh hưởng ngày càng gia tăng để tái định hình luật lệ và thể chế của hệ thống quốc tế để phục vụ tốt hơn lợi ích của nước này. Những quốc gia khác trong hệ thống, đặc biệt là vị bá chủ đang suy yếu, sẽ bắt đầu xem Trung Quốc như một mối đe dọa an ninh ngày một lớn dần” [8]. Vị thế siêu cường của Mỹ rõ ràng đang bị thách thức bởi Nhật, Trung Quốc tại Đông Á, khi cả hai nước có chung lợi ích thúc đẩy cục diện chính trị thế giới đa cực, chống lại cục diện đơn cực mà Mỹ muốn duy trì từ sau Chiến tranh lạnh. Chính sách của Mỹ đối với hai nước trong tam giác ngoại giao được điều chỉnh phù hợp hơn. Một trong những biện pháp hạn chế Nhật và kiềm chế Trung Quốc của Mỹ là từng bước nâng cao quan hệ đồng minh với Nhật. Do Trung Quốc ý thức được Mỹ đang xem họ là đối thủ tiềm tàng vì thế khi Mỹ tăng cường mối quan hệ đồng minh với Nhật thì luôn nhận được sự quan tâm sát sao từ phía Trung Quốc “các căn cứ quân sự, lực lượng quân đội Mỹ hiện diện ở Nhật Bản là một minh chứng... đây là hành động đe dọa đến hoà bình, an ninh khu vực, là mối đe dọa lớn nhất đối với Trung Quốc” [3, tr.150]. Song song với việc duy trì cơ chế đơn phương và song phương, Mỹ còn thúc đẩy và coi trọng cơ chế hợp tác an ninh đa phương nhằm đưa Nhật, Trung Quốc trở thành những quốc gia có trách nhiệm trong việc giải quyết các vấn đề an ninh khu vực cũng như cân bằng trong cơ cấu quốc tế tại Đông Á: như tham gia giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, tranh chấp tại Biển Đông... Có thể thấy, nhân tố Mỹ đóng vai trò quan trọng trong mối quan hệ Nhật – Trung Quốc. Trong bối cảnh quan hệ Nhật, Trung Quốc luôn trong trạng thái căng thẳng thường trực hiện nay do nhiều vấn đề như tranh chấp đảo, vấn đề do lịch sử để lại trong quan hệ hai nước... thì Mỹ phải xử lí một cách khéo léo, cẩn thận, không làm mất lòng đồng minh Nhật cũng như “đối tác” quan hệ Trung Quốc. Nhật là đồng minh quan trọng của Mỹ tại Châu Á, vai trò của Nhật đối với Mỹ càng trở nên quan trọng hơn nhất là trong bối cảnh nước này triển khai chính sách “tái cân bằng” nhằm bảo đảm những lợi ích cốt lõi của Mỹ tại đây. Theo đó, quan hệ đồng minh Nhật – Mỹ trở thành biến số quan trọng tác động đến quan hệ Trung – Nhật và tình hình chính trị, an ninh Đông Á.

Với vị thế là nền kinh tế thứ hai thế giới hiện nay, Mỹ xem Trung Quốc là một đối tác để tái cân bằng nền kinh tế thế giới và duy trì sự tăng trưởng toàn cầu cũng như tham gia vào việc giải quyết các vấn đề nóng bỏng của quốc tế. Thực tế đây là hai nền kinh tế lớn nhất thế giới, bất kì sự thay đổi nhỏ trong hệ thống tài chính của hai nước sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu. Là những thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Trung Quốc và Mỹ đóng một vai trò quan trọng trong việc cân bằng các mối quan hệ quốc tế cũng như tạo ra sự đồng thuận nhằm giải quyết những tranh chấp, bất đồng trong bất kì phần nào của thế giới. Từ nhiều góc độ, Mỹ nhận thức mối quan hệ với Trung Quốc luôn là tâm điểm gây ra sự chú toàn cầu.

Rõ ràng, Mỹ là một nhân tố quan trọng, có thể thúc đẩy hoặc ngăn chặn trong mối quan hệ Nhật – Trung Quốc, ít nhất thời điểm hiện tại. Nhật và Trung Quốc cũng cần nhận

thức vai trò của Mỹ trong quan hệ hai nước nhằm khai thác tối đa lợi ích khi quan hệ với Mỹ phục vụ cho sự phát triển của đất nước và hạn chế thách thức do nhân tố này tạo ra.

2.3. Những trở ngại từ lịch sử

Mặc dù, Nhật trong những năm gần đây nền kinh tế gặp khó khăn nhưng quốc gia này vẫn là một nền kinh tế lớn của thế giới. Nhật đã và đang chủ động triển khai nhiều chính sách, biện pháp nhằm thúc đẩy tiến trình liên kết các nước khu vực Đông Á thành một vành đai kinh tế, chính trị của thế giới. Tuy nhiên một vấn đề nan giải đặt ra đối với Nhật là những trở ngại do lịch sử để lại trong mối quan hệ với một số nước Đông Á, trong đó có Trung Quốc. Giữa Trung Quốc và Nhật, quá khứ tranh cãi luôn hiện hữu. Trong lịch sử, nhiều nước Châu Á là nạn nhân của phát xít Nhật (trước năm 1945) với chính sách cai trị của Nhật đã để lại một vết hằn khó phai nhạt cho nhiều nước đến hiện nay. Từ cuối những năm 1980 đã xuất hiện những chỉ trích trong ngoại giao từ phía Trung Quốc về các vấn đề liên quan đến cách “hành xử” của Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai. Mặc dù đã từng đạt được thoả thuận với Trung Quốc về việc bồi thường chiến tranh nhưng do sự nhận thức khác biệt về các vấn đề lịch sử nên quan hệ hai nước luôn căng thẳng một khi vấn đề này được khơi gợi. Trung Quốc coi cuộc chiến của Nhật tại nước họ là cuộc xâm lược, vì thế yêu cầu Nhật phải chính thức thừa nhận và xin lỗi. Phía Nhật chỉ coi những hành động mà quân đội nước này tiến hành với nhân dân Trung Quốc đó là sự “lấy làm tiếc”, điều này được phản ánh trong bộ sách giáo khoa lịch sử Nhật giai đoạn 1937 – 1945. Tất nhiên, không chỉ riêng tại Trung Quốc mà nhiều nước cũng không đồng tình với những biện luận cho hành động xâm lược của Nhật.

Vấn đề viếng thăm ngôi đền Yasukuni của lãnh đạo Nhật cũng bị các nước lên án là hành động cổ xúy cho chủ nghĩa quân phiệt trong quá khứ, xúc phạm các nạn nhân, coi thường các dân tộc láng giềng. Nguyên nhân cơ bản, nơi đây đang thờ phụng những người lính tử trận trong chiến tranh thế giới thứ hai, có cả 14 tội phạm chiến tranh được xếp loại A. Chuyến viếng thăm mới nhất ngày 26/12/2013 của Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã tạo nên căng thẳng trong quan hệ ngoại giao giữa Nhật với nhiều nước liên quan. Nhật luôn nhận thức được khó khăn trong quan hệ với các nước láng giềng khi thiếu tôn trọng tính khách quan của lịch sử nhưng Nhật không bao giờ từ bỏ cơ hội đề cao ý thức dân tộc. Thực tế, căng thẳng Nhật – Trung Quốc không chỉ là vì hận thù quá khứ mà còn vì lợi ích hiện tại của mỗi nước.

2.4. Vấn đề chủ quyền, an ninh quốc gia

Trong một thế giới với nhiều mối đe dọa tiềm ẩn từ bên ngoài thì an ninh quốc gia luôn được ưu tiên, những vùng đất, khu vực được xem là chiến lược có vai trò quan trọng về an ninh lẫn kinh tế.

Năng lượng dầu mỏ có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của tất cả các nước hiện nay. Nguồn năng lượng cung cấp chính của thế giới từ trước đến nay là khu vực Trung Đông, nhưng những khủng hoảng chính trị liên tiếp diễn ra gần đây gây ra sự quan ngại cho các nước phụ thuộc vào thị trường này. Cạnh tranh nguồn năng lượng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tranh chấp lãnh hải giữa Nhật – Trung Quốc, điển hình là tuyên bố chủ quyền của hai bên tại quần đảo Senkaku/ Điếu Ngư. Các cuộc khảo sát địa chất chứng minh khu vực này có trữ

lượng dầu mỏ, khí đốt khá lớn, hơn nữa nó nằm sát tiến đường hàng hải quốc tế chiến lược. Trung Quốc tuyên bố quần đảo này thuộc quyền sở hữu từ thế kỉ XIV. Sau chiến tranh Trung – Nhật năm 1895, thì Nhật sáp nhập vào lãnh thổ của họ. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh năm 1945, Mỹ quản lí quần đảo như một phần của chính quyền dân sự Mỹ tại quần đảo Rukyu từ 1945 đến 1972, sau đó được trao cho Nhật theo hiệp ước Okinawa. Đài Loan cũng tuyên bố chủ quyền với Senkaku/ Điếu Ngư vì họ cho rằng quần đảo này nằm gần với Đài Loan nhất.

Năm 1972, Nhật – Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Năm 1978 hiệp ước “Hòa bình và hữu nghị” được kí bởi hai nước, cả hai chính phủ đồng ý gác vấn đề này, không phải bằng văn bản hoặc trong bất kỳ hình thức pháp lý nào. Trong một thời gian dài, mặc dù xuất hiện nhiều “sự cố” liên quan đến vấn đề chủ quyền quần đảo, nhưng hai nước đã xử lí một cách tương đối bình tĩnh, không đưa vấn đề này gây ảnh hưởng sâu sắc, toàn cục đến quan hệ hai bên. Nhưng vấn đề tranh chấp đã trở nên gay gắt hơn trong những năm gần đây, như vụ Nhật bắt giữ một thuyền trưởng tàu cá Trung Quốc gần khu vực đảo Senkaku/ Điếu Ngư tháng 9/2010, ngay sau đó Trung Quốc đáp trả bằng một loạt các biện pháp trả đũa: hạn chế thương mại, huỷ các cuộc tiếp xúc trao đổi về văn hoá, chính trị... với Nhật. Tháng 9/2012, chính phủ Nhật tuyên bố quốc hữu hoá một số đảo trong khu vực tranh chấp với Trung Quốc. Tháng 11/2013, Trung Quốc đưa ra tuyên bố về “vùng nhận dạng phòng không mới”, trong đó bao gồm cả khu vực quần đảo đang tranh chấp nhằm thể hiện nỗ lực thay đổi hiện trạng của khu vực này.

Có thể thấy, cả hai nước đều luôn xem xét bất cứ điều gì được quyết định liên quan đến tranh chấp. Việc tranh chấp quần đảo Senkaku/ Điếu Ngư có tác động đến việc tranh chấp lãnh hải với nước khác, đối với Nhật là tranh chấp với Nga, Hàn Quốc, đối với Trung Quốc là tranh chấp với Hàn Quốc, một số nước Đông Nam Á tại Biển Đông. Xu hướng “gác lại tranh chấp, cùng nhau khai thác” được xem là giải pháp thiết yếu nhưng cũng chỉ là tạm thời vì xuất phát từ nhận thức và quan điểm lí giải của các bên về vấn đề này là khác nhau. Việc xác định khu vực “cùng nhau khai thác” chung là khu vực nào, trong vùng biển chủ quyền quốc gia của một nước hay trong vùng biển tranh chấp. Vì thế việc phân định ranh giới chủ quyền biển trước mắt vẫn là thách thức trong quan hệ Nhật – Trung Quốc. Tóm lại, tranh chấp lãnh hải giữa Nhật, Trung Quốc về chủ quyền quần đảo Senkaku/ Điếu Ngư được đóng khung bởi lợi ích kinh tế, chính trị, lịch sử và chủ nghĩa dân tộc.

2.5. Cạnh tranh trên lĩnh vực kinh tế

Kinh tế là một trong những yếu tố góp phần khẳng định vị thế chính trị trên trường quốc tế hiện nay, cả Nhật và Trung Quốc đều nhận thức được điều này.

Từ khi cải cách và mở cửa, kinh tế Trung Quốc luôn đạt được mức tăng trưởng cao từ 8% - 9%, nhiều năm đạt 10%, kể cả thời gian diễn ra khủng hoảng tài chính – tiền tệ châu Á vào những năm cuối thập niên 90 thế kỉ XX. Với tốc độ tăng trưởng như hiện nay, các nhà phân tích dự báo đến năm 2050, nước này sẽ là nền kinh tế lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 28% GDP toàn cầu. Trung Quốc trở thành công xưởng thế giới với hàng hóa mang nhãn mác sản xuất tại Trung Quốc tràn ngập khắp thị trường thế giới. Chính sự

vươn lên nhanh chóng làm cho Trung Quốc ngày càng giữ vai trò quan trọng và tác động mạnh mẽ đến kinh tế quốc tế và khu vực. Trên cơ sở đó, chính sách đối ngoại của Trung Quốc sẽ trực tiếp chi phối và ảnh hưởng đậm nét đến các nước có quan hệ song phương.

Giai đoạn (1970 – 1990) được xem là giai đoạn tăng trưởng cao của nền kinh tế Nhật, trung bình mỗi năm trên 4%. Nhưng từ 1991 đến nay, kinh tế Nhật đi vào khủng hoảng, đạt trung bình năm 1,3%. Từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 – 2009, nền kinh tế Nhật nằm trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới. Bằng nhiều chính sách, biện pháp phục hồi, Nhật vẫn là một cường quốc kinh tế của thế giới. Tại Châu Á, Nhật vẫn đang ra sức thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực trong mô hình dần sâu bay mà nước này là chủ sếu đầu đàn.

Nhật và Trung Quốc là hai nền kinh tế lớn nhất tại Đông Á, tổng GDP của hai nước chiếm hơn 80% GDP cả khu vực. Sự hợp tác trên lĩnh vực kinh tế không chỉ mang lại lợi ích cho hai nước mà còn thúc đẩy và giữ vai trò trụ cột trong tăng trưởng kinh tế khu vực. Quan hệ thương mại, đầu tư giữa hai nước phát triển mạnh mẽ từ những năm 1980, sự gia tăng này do nhiều yếu tố như: sự tăng trưởng nhanh và mạnh của nền kinh tế Trung Quốc, việc Trung Quốc gia nhập WTO làm tăng dòng FDI vào nước này; sự tăng cường trao đổi thương mại với Trung Quốc trở thành một trong nhiều giải pháp phục hồi kinh tế Nhật trong giai đoạn suy thoái. Nhật là một trong những nhà đầu tư và đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc, đầu tư của Nhật tại Trung Quốc tăng hàng năm, từ năm 1985 đến 2006, các công ty đa quốc gia của Nhật đã đầu tư một khoản vốn tích lũy là 57,5 tỉ USD, chiếm 8,4% tổng dòng FDI vào Trung Quốc [5, tr.40]. Tháng 5/2012 chính phủ Trung Quốc cho phép hoán đổi trực tiếp giữa đồng Yên và đồng Nhân dân tệ, động thái này góp phần gia tăng tính phụ thuộc sâu sắc giữa hai nền kinh tế.

Có thể khẳng định, sự tăng trưởng nhanh của kinh tế Trung Quốc và sự phát triển chậm lại của kinh tế Nhật hiện nay, đã làm cho khoảng cách sức mạnh kinh tế giữa hai nước thu hẹp dần. Trong bối cảnh hai nước đang cạnh tranh vị thế lãnh đạo khu vực thì ganh đua về kinh tế là điều không thể tránh khỏi. Nhật nhận thức sự trỗi dậy của nền kinh tế Trung Quốc trên cả hai bình diện: cơ hội và thách thức. Một mặt thừa nhận những đóng góp của kinh tế Trung Quốc đối với sự phục hồi nền kinh tế của nước này và tiến trình hội nhập kinh tế khu vực, mặt khác luôn tỏ ra nghi ngờ Trung Quốc đang tăng cường ngăn chặn Nhật xác lập vị thế trong tiến trình liên kết kinh tế tại Đông Á. Ở Nhật đã tồn tại thuyết về “mối đe dọa Trung Quốc”. Chính vì thế, các nhà lãnh đạo Trung Quốc ra sức tuyên truyền: Trung Quốc sẽ trỗi dậy trong hoà bình, luôn nhất quán tư tưởng chống bá quyền, không xung hù, xung bá. Nhưng “điều đáng quan tâm là những động thái, chính sách, biện pháp nhằm đưa nước này (Trung Quốc) tương xứng với tầm cỡ dân số và lãnh thổ, cũng như chiều sâu lịch sử và văn hoá, đã gây quan ngại cho nhiều nước trong khu vực” trong đó có Nhật.

Hiện nay, xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá diễn ra một cách mạnh mẽ tạo nên nhiều cơ hội hợp tác đa phương giữa các quốc gia, mặc dù bên cạnh đó hàm chứa nhiều thách thức. Vượt qua những bất đồng, Nhật và Trung Quốc sẽ đóng góp cho sự phát triển và tăng trưởng

của kinh tế khu vực Đông Á.

3. Kết luận

Quan hệ Nhật – Trung Quốc hiện nay vẫn trong tình trạng “nóng về kinh tế, lạnh về chính trị”. Thái độ của Nhật về vấn đề lịch sử như đền Yasukuni, bộ sách giáo khoa tranh cãi hay các cuộc đấu khẩu trực diện trong vấn đề Senkaku/ Điếu Ngư, sự tăng cường liên minh quân sự Mĩ – Nhật... sẽ khiến quan hệ hai nước thường xuyên rơi vào tình trạng căng thẳng. Những tranh cãi, mâu thuẫn này hiện nay vẫn chưa thể giải quyết trọn vẹn bởi bất nguồn từ tính toán chiến lược của cả hai nước.

Quan hệ trên lĩnh vực kinh tế được tin tưởng góp phần thúc đẩy mối quan hệ trên lĩnh vực chính trị, an ninh. Trung Quốc đang đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá đất nước, coi trọng việc phát triển kinh tế nên cần một môi trường an ninh, ổn định nhằm thu hút, khoa học kĩ thuật, vốn đầu tư từ bên ngoài, trong đó có Nhật. Từ sau Chiến tranh lạnh nền kinh tế Nhật đang gặp khó khăn, Trung Quốc là một trong nhiều thị trường thương mại, đầu tư khổng lồ góp phần kích thích tăng trưởng, phục hồi nền kinh tế Nhật hiện nay.

Hiện trạng quan hệ hai nước trong thời gian tới phụ thuộc vào chính sách ngoại giao của Nhật, Trung Quốc giành cho nhau. Điều quan trọng, hai nước cần phải thay đổi quan điểm, tư duy ngoại giao chính trị phù hợp với bối cảnh, xu thế mới vì điều này không chỉ có lợi cho cả hai mà còn vì sự phát triển, ổn định cả khu vực Đông Á. Với Nhật “Nhật Bản nên thật sự tin tưởng Trung Quốc là một trong những nước chủ đạo đáng tin cậy, không nên coi Trung Quốc là mối đe dọa” [1, tr.59]. Đối với Trung Quốc nên gác lại các vấn đề lịch sử, coi Nhật là một quốc gia phát triển bình thường về chính trị, thừa nhận Nhật đang trở lại trong vai trò “cường quốc quân sự”, góp phần tham gia giải quyết các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống trong nước, khu vực và thế giới, không phải là sự phục hồi “chủ nghĩa quân phiệt”. Từ nhận thức trên sẽ góp phần thúc đẩy mối quan hệ song phương Nhật – Trung Quốc tốt đẹp hơn, mặt khác mối quan hệ này là một trong những chìa khóa định hình trật tự khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Minh Cao, “Quan hệ Nhật Bản – Trung Quốc trước thềm hội nghị Á – Phi II”, số 4, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, 8/2005, từ trang 53 – 60.
- [2] Đinh Quý Đô, “*Vấn đề cải tổ Liên hợp quốc trong bối cảnh quốc tế mới hiện nay*”, NXB KHXH, 2007.
- [3] Nguyễn Thế Hồng, “Nhìn lại một số thách thức đối với tiến trình liên kết an ninh khu vực Đông Á hiện nay”, số 1, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, 3/2013, từ trang 141 -157.
- [4] Hoàng Minh Hằng, “Vấn đề an ninh năng lượng ở Đông Á: Thực trạng và giải pháp”, <http://www.inas.gov.vn/179-van-de-an-ninh-nang-luong-o-dong-a-thuc-trang-va-giai-phap.html>, 3/2012
- [5] Lê Thị Ái Lâm, Vai trò của hợp tác kinh tế Trung – Nhật đối với cộng đồng kinh tế Đông Á, số 7(86), *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, 2008, từ trang 36 – 48.
- [6] Kishore Mahbubani, “*Bản cầu Châu Á mới sự chuyển giao tất yếu quyền lực toàn cầu sang phương Đông*”, NXB Chính trị quốc gia, 2010.
- [7] Lại Văn Toàn, “*Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh phân tích và dự báo*”, Viện Thông tin KHXH, 2001.
- [8] Nguyễn Thị Tố Uyên, “Sự trỗi dậy của Trung Quốc và tương lai của Phương Tây”, <http://nghiencuuquocte.net/2013/08/25/china-rise-future-of-the-west/>, 2008.